

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12 -2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông: Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Viên kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2020 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1983. (có mặt)

Địa chỉ: 201B ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Nguyễn Tấn A, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: 06C/TB ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2020, các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày: Chị B và anh A tổ chức đám cưới chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 28/4/2005. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, nguyên nhân là do anh A không lo lắng cho vợ con, mẹ chồng khó khăn, kiểm soát mọi hoạt động của chị B làm cho chị B cảm thấy cuộc sống hôn ngọt ngat, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị B về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Từ khi về nhà cha mẹ ruột đến nay anh

A không một lần đến thăm chị và con. Nay chị B nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn A.

Về con chung: Quá trình sống chị B và anh A có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 23/02/2006, con chung hiện nay đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M. Chị B không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Tấn A trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến phản bác về yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

Tại tờ tường trình ngày 05/8/2020 Nguyễn Thị Ngọc M có ý kiến được sống với chị B, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Nguyễn Thị B với anh Nguyễn Tấn A và bị đơn anh A có nơi cư trú tại ấp T xã H, huyện L, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Tấn A có tổ chức đám cưới, tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm từ mẹ chồng và thường xuyên tự ái vì những bất đồng quan điểm sống của hai vợ chồng và từ cha mẹ hai bên mà không tự cảm thông cho nhau để xây dựng gia đình. Chị B và anh A đã xa nhau từ đầu năm 2007 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Chị B khẳng định không còn tình cảm với anh A. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn với anh A tới khi gặp mẹ anh A thì mới cung cấp lời khai. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị B là có căn cứ.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Chị B và anh A có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 23/02/2006, Ngọc M hiện nay đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc M và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thời gian vợ chồng sống xa nhau thì chị B là người trực tiếp nuôi cháu M, chị M vẫn chăm sóc tốt cho Ngọc M về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần giao Nguyễn Thị Ngọc M cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Tấn A.
2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị B được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 23/02/2006.

Nguyễn Thị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở Nguyễn Tấn A trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn Thị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0005341, ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/12/2020). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn

kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư